

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO 3-4 TUỔI NĂM HỌC 2025 - 2026

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC:

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Dự kiến chủ đề
Stt	Mục tiêu		
1. Giáo dục phát triển vận động			
a. Phát triển vận động.			
1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	* Đi và chạy: - Đi trong đường hẹp - Đi kiễng gót.	1,4,5,8
3	Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	* Đi và chạy: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.	1,2,3,6,7,8.
4	Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	* Tung, ném, bắt: - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. - Chuyển và bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	1,4,6,7.

	- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).		
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	* Tung, ném, bắt: - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. * Bò, trườn, trèo: - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước. - Bước lên, xuống bậc (cao 30cm). * Bật - nhảy: - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20 - 25cm.	1,2,3,4,5,6,7,8, 9.
6	Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.	1,2,3,4,5.
7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.	6,7,8,9.
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
8	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	1,2,6.
9	Biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa	2,5.

10	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - <i>Quyền được sống:</i> <i>Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.</i>	ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe (khám sức khỏe định kì, tiêm chủng, được phòng và chữa bệnh...).</i> - <i>Trẻ được nuôi dưỡng - CS - GD để phát triển toàn diện.</i>	2,7.
11	Thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
12	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		1,3,9.
13	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...		3,5,9.
14	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	2,8.
15	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm	3,5.

16	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở. - <i>Quyền được sống: Quyền sống.</i>	đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	4,8.
17	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- <i>Trẻ được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển;</i> - <i>Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân.</i>	6,8,9.
2. Giáo dục phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học.			
18	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - <i>Sự thay đổi bất thường về thời tiết về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột</i> - <i>Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác</i>	5,6,8.
19	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	2
	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	- Ích lợi của nước với đời	5,6,8.

20	để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	sống con người, con vật, cây.	
21	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	8.
22	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	1,3,7
23	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai</i> - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối thực; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh</i> + <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường</i> - <i>Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai</i> + <i>Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường</i>	5,6,8.

		<i>sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i>	
24	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông</i> - <i>Ảnh hưởng của các phương tiện giao thông đối với môi trường; gây ô nhiễm môi trường không khí, gây nên hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.</i>	5,6,7.
25	- Thể hiện một số điều quan sát được các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Thực hiện thông qua các nội dung khác	2,9.
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều.	1,9.
27	- Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.		4,5,7,8.
28	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		5,9.
	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng		5,7,8.

29	trong phạm vi 5.		
30	- Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	5,7,8.
31	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.	1,4.
32	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn / nhỏ hơn; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6.
33	- Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	3.
34	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2.
c. Khám phá xã hội.			
35	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2.
36	- Nói được tên bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	3.
37	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.</i> - <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	3,8.
38	- Nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ	1,4.

	chuyện.	chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.	
39	- Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn. - Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng....là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).	4
40	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ Tổ quốc, tên của các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày hội của địa phương.	1,9.
41	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. - Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc	- Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn). - Trẻ được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân và văn hóa dân tộc. - Trẻ được dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.	8,9.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ.

42	- Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	1,3.
43	- Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	2,6,8.
44	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...		3, 5.
45	- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. <i>- Quyền được tham gia: Quyền bày tỏ ý kiến.</i>	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”. <i>- Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ.</i>	1,4,7,9.
46	- Nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt	1,2,3,4,5,6,7,8, 9.
47	- Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn câu mở rộng.	1,2,3,4,5,6,7,8, 9.
48	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	2,5.
49	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
50	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ	2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

		tuổi.	
51	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	6,7.
52	- Sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,9.
53	- Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	7,8.
54	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	1,9.
55	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	3,7.
56	- Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Giữ gìn sách.	1, 2, 3, 4, 5, 6,7,8,9.

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

57	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2,3.
58	- Nói được điều bé thích, không thích. - <i>Quyền được tham gia:</i>	- Những điều bé thích, không thích. - <i>Trẻ được tự do lựa chọn khu vực chơi, nhóm chơi trẻ thích,</i>	2,8.

	<i>Quyền được vui chơi, giải trí.</i>	<i>được bình đẳng khi chơi.</i>	
59	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.	1,7.
60	- Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	3,5.
61	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.		4,9.
62	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - <i>Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i>	9.
63	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9.
64	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - <i>Trẻ được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không làm công việc nặng nhọc quá độ tuổi của trẻ. Không bị lạm dụng sức lao động.</i>	1,3.
65	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...) <i>Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động</i>		1,2,3,4,5,6,7,8,9.
66	- Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	6, 7.
67	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chờ đến lượt.	1,2,3,4,5,6,7,8,9.
68	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.	1,2,3,4,5,6,7,8,9

69	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,6.
70	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận biết hành vi “đúng” “sai”, “tốt” – “xấu”. - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i>	1, 8.
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
71	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1,5,8.
72	- Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		2,3,7.
73	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		4,9.
74	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.
75	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	2,4,6,8.
76	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	3,5,7.

77	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,3,4,5,6,7, 8,9.
78	- Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		3,9.
79	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt, đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		1,4,6,7.
80	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		3,5.
81	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	4,5,6.
82	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. <i>Quyền được phát triển: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.</i>	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. <i>- Trẻ được lựa chọn, phát triển môn năng khiếu mà trẻ thích.</i>	1,2,3,4,5.
83	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	1,2,3.
84	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,8,9.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ (3 - 4 tuổi)

Thời gian (từ ngày 08/09/2025 đến ngày 22/05/202)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
Tháng 9 (từ ngày 08/09/2025 đến 26/09/2025)	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			- Lớp học của bé	1 tuần		
			- Đồ dùng, đồ chơi của bé.	1 tuần		
Tháng 9 - 10 (từ ngày 29/09/2025 đến 24/10/2025)	2	Bản thân (4 tuần)	- Tôi là ai	1 tuần	Tổ chức vui trung thu cho bé (15/08 âm lịch) Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10)	
			- Tết trung thu	1 tuần		
			- Cơ thể của tôi	1 tuần		
			- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần		
Tháng 10 - 11 (từ ngày 27/10/2025 đến 21/11/2025)	3	Gia đình (4 tuần)	- Công việc và những thành viên trong gia đình.	1tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11)	
			- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			- Ngày nhà giáo VN 20/11	1 tuần		
			- Đồ dùng trong gia đình của bé	1 tuần		
Tháng 11 -	4	Nghề	- Nghề xây dựng	1 tuần	Ngày Quân	

12 (từ ngày 24/11/2025 đến 19/12/2025)		nghề nghiệp (4 tuần)	- Nghề bác sĩ	1 tuần	đội nhân dân Việt Nam 22/12/2025	
			- Nghề sản xuất	1 tuần		
			- Nghề bộ đội, công an	1 tuần		
Tháng 12 - 01 (từ ngày 22/12/2025 đến 30/01/2026)	5	Thế giới động vật (5 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình.	2 tuần	- Tết dương lịch 01.01.2026	
			- Động vật sống dưới nước.	1 tuần		
			- Động vật sống trong rừng.	1 tuần		
			- Một số loại chim, côn trùng.	1 tuần		
Tháng 02 - 03 (từ ngày 02/02/2026 đến 13/03/2026)	6	Thế giới thực vật (5 tuần)	- Một số loại cây xanh.	1 tuần	- Tổ chức các hội thi cấp trường. - Nghỉ tết nguyên đán. - Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02	
			- Mùa xuân và tết nguyên đán.	1 tuần		
			- Một số loại hoa, quả	1 tuần		
			- Ngày 8/3	1 tuần		
			- Một số loại rau.	1 tuần		
Tháng 03 - 04 (từ ngày 16/03/2026 đến	7	Phương tiện và một số luật giao thông	- Phương tiện giao thông đường bộ.	1 tuần		
			- Phương tiện giao thông đường thủy.	1 tuần		

10/04/2026)		(4 tuần)	- Phương tiện giao thông đường không.	1 tuần		
			- Một số quy định và luật giao thông.	1 tuần		
Tháng 04 (từ ngày 13/04/2026 đến 01/05/2026)	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Nước	1 tuần	- Ngày Giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3/2024 (âm lịch) - Ngày lễ 30/4: Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước - Ngày 1/5: Ngày Quốc tế Lao Động	
			- Các hiện tượng tự nhiên.	2 tuần		
Tháng 05 (từ ngày 04/05/2026 đến 22/05/2026)	9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi (3 tuần)	- Quê hương - Đất nước	2 tuần		
			- Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1 tuần		

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Lò Thị Minh

HIỆU TRƯỞNG



Lò Thị Hạnh

